

Số: 381 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 14 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính
lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành
Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định có liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2233/QĐ-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 30/TTr-SoNNMT ngày 07 tháng 7 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Nông nghiệp và Môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (Phụ lục Quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đính kèm). Cụ thể:

1. Cấp tỉnh:

- Ban hành mới 11 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính.

- Thay thế: 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (*mã thủ tục hành chính số 1.003650*) tại Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024 về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai.

2. Cấp xã

Thay thế 03 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính, cụ thể:

- Thay thế 02 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (*mã thủ tục hành chính 1.004498; 1.003956*) tại Quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08 tháng 06 năm 2020 về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính của ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Đồng Nai (*thủ tục hành chính cấp huyện chuyển về cấp xã*).

- Thay thế 01 quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính (*mã thủ tục hành chính 1.004478*) tại Quyết định số 1642/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (*thủ tục hành chính cấp huyện chuyển về cấp xã*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Các nội dung khác tại quyết định số 1907/QĐ-UBND ngày 08 tháng 06 năm 2020, 1642/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn còn giá trị pháp lý.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo các quy trình giải quyết thủ tục hành chính nêu trên.

Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường, và các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính đã được công bố lên Hệ thống thông tin và giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh (Igate). Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia theo quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp Sở Khoa học và Công nghệ nộp hồ sơ dịch vụ công trực tuyến kiểm thử để đồng bộ lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường; Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát thủ tục hành chính;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN, HCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Trường Sơn



PHỤ LỤC
QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THỦY SẢN
THỰC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI
(Ban hành kèm theo Quyết định số 381 /QĐ-UBND ngày 14 / 7/2025 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

A. QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BAN HÀNH MÔI

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
I. CẤP TỈNH					
1. Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản. Mã thủ tục: 1.004943 - Một phần					
a. Đối với trường hợp phê duyệt đề cương khảo nghiệm, đồng thời cấp phép nhập khẩu giống thủy sản cho tổ chức, cá nhân để phục vụ khảo nghiệm (nếu là sản phẩm nhập khẩu)					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	04 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	2,75 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc		
b. Đối với trường hợp ban hành quyết định công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản	04 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	2,75 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			8 ngày làm việc		
2. Cấp giấy phép nhập khẩu tàu cá. Mã thủ tục: 1.004929 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản	2,5 ngày		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1,5 ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Tổng cộng thời gian giải quyết		07 ngày			

3. Cấp phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm.
Mã thủ tục: 1.004794- Toàn trình

Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	1,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			04 ngày làm việc		
4. Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản. Mã thủ tục: 1.004683- Một phần					
a. Trường hợp thẩm định hồ sơ, kiểm tra điều kiện khảo nghiệm và phê duyệt đề cương khảo nghiệm					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản	06 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			12 ngày làm việc		
b.Trường hợp công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	03 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	3 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			08 ngày làm việc		
5. Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (đối với khu vực biển ngoài 06 hải lý, khu vực biển giáp ranh giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực biển nằm đông thời trong và ngoài 06 hải lý) Mã TTHC: 1.004678- Một phần					
- Trường hợp cấp mới:					

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	35 ngày		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	3,5 ngày		
Bước 5	Ký phê duyệt và chuyển kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	5 ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			45 ngày		
- Trường hợp cấp lại/ gia hạn:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	8 ngày		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 5	Ký phê duyệt và chuyển kết quả giải quyết TTHC	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	5 ngày		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày		
6. Cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép nuôi trồng thủy sản trên biển đối với nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Mã thủ tục: 1.004669- Một phần					
- Trường hợp cấp mới:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	50 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	1,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Văn phòng UBND tỉnh	5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			58 ngày làm việc		
- Trường hợp cấp lại/ gia hạn:					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	14 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch UBND tỉnh	2 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			18 ngày làm việc		
7. Công bố mở cảng cá loại I. Mã TTHC: 1.004654 - Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	03 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			06 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
8. Cấp phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để khảo nghiệm, nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm. Mã thủ tục: 2.001694 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	Không	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	01 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết					
9. Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (để mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế). Mã thủ tục: 1.003851 - Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày	Không quy định	
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	10,5 ngày		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	2,5 ngày		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			15 ngày		
10. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá. Mã thủ tục: 1.003741 - Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	5,5 ngày làm việc		
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc	12.450.000 Đồng	
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	2,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			10 ngày làm việc		
11. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá. Mã thủ tục: 1.003726 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,25 ngày làm việc	Không quy định	
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,75 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 4	Phê duyệt hồ sơ (<i>Trường hợp hồ sơ cần bổ sung, không đủ điều kiện giải quyết phải có văn bản thông báo cụ thể</i>)	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Chuyển hồ sơ, ký phê duyệt kết quả giải quyết TTHC	Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh	01 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,25 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		

B. QUY TRÌNH TTHC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
I. CẤP TỈNH					
1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá Mã TTHC: 1.003650 - T oàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 2	Chuyển xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 3	Xử lý hồ sơ	Phòng Thủy sản Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 4	Ký duyệt hồ sơ và chuyển hồ sơ	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thủy sản	0,5 ngày làm việc		
Bước 5	Ký và trả kết quả hồ sơ cho Bộ phận một cửa	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận Sở Nông nghiệp và Môi trường	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			03 ngày làm việc		

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnđ)	Ghi chú
I. CẤP XÃ					
1. Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý). Mã thủ tục: 1.003956 - Một phần					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày	Chưa có văn bản quy định	
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn cấp xã/phường	30 ngày		
Bước 3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã/phường	4 ngày		
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			35 ngày		
2. Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý). Mã thủ tục: 1.004498 - Một phần					
- Trường hợp thay đổi tên tổ chức cộng đồng, người đại diện tổ chức cộng đồng, Quy chế hoạt động của tổ chức cộng đồng.					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày		
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn cấp xã/phường	3 ngày		
Bước 3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã/phường	01 ngày		
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			05 ngày làm việc		
- Trường hợp sửa đổi, bổ sung vị trí, ranh giới khu vực địa lý được giao; phạm vi quyền được giao; phương án bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản					

Khoản 3
Điều 8
Nghị định
số
131/2025/
NĐ-CP

Chưa có văn bản
quy định

CÁC BƯỚC	TRÌNH TỰ THỰC HIỆN	ĐƠN VỊ GIẢI QUYẾT TTHC	THỜI GIAN GIẢI QUYẾT TTHC	Phí, lệ phí (vnd)	Ghi chú
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày	Chưa có văn bản quy định	Khoản 3 Điều 8 Nghị định số 131/2025/ND-CP
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn cấp xã/phường	30 ngày		
Bước 3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã/phường	04 ngày		
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày		
Tổng cộng thời gian giải quyết			35 ngày		
3. Công bố mở cổng cá loại 3. Mã thủ tục: 1.004478 - Toàn trình					
Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ (trực tuyến, trực tiếp, bưu chính công ích)	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày làm việc	Chưa có văn bản quy định	Khoản 4 Điều 8 Nghị định số 131/2025/ND-CP
Bước 2	Xử lý hồ sơ	Phòng chuyên môn cấp xã/phường	03 ngày làm việc		
Bước 3	Ký duyệt hồ sơ	Lãnh đạo UBND xã/phường	01 ngày làm việc		
Bước 4	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả TTHC cấp xã	0,5 ngày làm việc		
Tổng cộng thời gian giải quyết			06 ngày làm việc		